

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001117

Trang : 1/3

Môn học: **Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô (233055) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

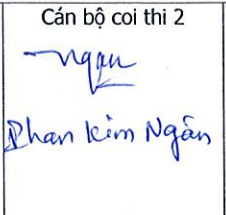
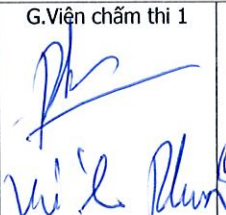
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2118170544	NGUYỄN HOÀNG BỬU	28/06/2000	CCQ1817H		1	Búi	3.0	3.0	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119170104	NGUYỄN VĂN CHƯÔNG	12/03/2001	CCQ1917D		1	Chuong	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119170535	PHẠM VĂN CƯỜNG	07/12/2001	CCQ1917P		1	Cuong	6.5	7.5	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119170106	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	07/06/2001	CCQ1917D		1	Đạt	6.0	7.0	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119170308	LÊ QUÝ ĐÔN	30/08/2001	CCQ1917J							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2118170020	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	24/02/2000	CCQ1817A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2118170097	LÊ NGUYỄN LONG GHIN	20/10/2000	CCQ1817B		1	ghin	4.0	3.5	3.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119170040	NGUYỄN NGỌC HẠ	16/06/2001	CCQ1917B		1	Hạ	5.5	6.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2118170174	TRƯƠNG PHONG HÀO	23/09/2000	CCQ1817C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119170008	DƯƠNG CÔNG HIẾU	10/10/2001	CCQ1917A		1	Hiếu	4.0	7.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119170602	HỒ MINH HIẾU	10/09/2001	CCQ1917B		1	Minh	5.0	7.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118170402	LÊ HIẾU	20/10/2000	CCQ1817F							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119170603	TRẦN VĂN HIẾU	30/10/2001	CCQ1917C		1	Hiếu	5.0	6.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119170077	TRƯƠNG NGỌC HOÀNG	11/08/2001	CCQ1917C		1	Hoàng	6.5	5.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119170043	VÕ DUY HOÀNG	07/02/2001	CCQ1917B		1	Duy	4.0	3.0	3.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119170113	TẠ QUANG HUY	10/08/2001	CCQ1917D		1	Quang	4.0	4.5	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119170046	TRẦN NHẬT KHÁNH	19/05/2001	CCQ1917B		1	Khánh	5.0	6.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119170543	NGUYỄN ANH KHOA	30/06/2001	CCQ1917P		1	Anh	5.0	4.0	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119170544	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	15/09/2001	CCQ1917P		1	Đăng	6.5	6.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119170081	LÂM TƯỜNG KỶ	24/08/2001	CCQ1917C		1	Kỷ	4.5	3.0	3.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001117

Trang : 2/3

Môn học: **Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô (233055) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119170180	LÊ NHẬT LÂM	18/02/2001	CCQ1917F		1		4.0	5.5	4.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119170082	LÊ VÕ NHẬT LINH	02/01/2001	CCQ1917C		1		4.0	0.0	1.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119170545	VÕ VŨ NHẬT LINH	09/11/2001	CCQ1917P		1		6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119170546	HỒ LÊ VIỆT LONG	08/02/2001	CCQ1917P		1		5.5	7.0	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2119170289	PHẠM NGUYỄN LUÂN	22/08/2001	CCQ1917I		1		4.0	3.0	3.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2119170085	VÕ VĂN LUÂN	01/01/2000	CCQ1917C		1		4.0	6.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2118170045	NGUYỄN VĂN MẠNH	18/11/2000	CCQ1817A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119170550	TRẦN THIÊN NHÂN	02/10/2001	CCQ1917P		1		7.0	8.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2119170087	NGUYỄN TẤN PHÁT	18/06/2001	CCQ1917C		1		6.5	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2119170604	VÕ HỒNG PHÚC	30/09/2001	CCQ1917C		1		6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2119170092	HỒ THANH PHƯỚC	20/01/2001	CCQ1917C		1		6.0	3.5	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2119170263	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	20/10/2001	CCQ1917H		1		6.5	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2119170117	LÊ ĐỨC QUÂN	16/09/2000	CCQ1917D		1		5.0	1.0	2.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2118170661	CÁI THẾ THUẬN TÀI	04/06/1999	CCQ1817I		1		6.0	1.0	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2119170023	ĐOÀN VĂN TÀI	11/03/2001	CCQ1917A		1		6.5	6.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2119170125	NGUYỄN THANH THÔNG	08/11/2001	CCQ1917D		1		5.5	7.0	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2119170557	NGUYỄN HUỖNH GIA THUẬN	04/07/2001	CCQ1917P		1		5.5	5.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2119170096	LÊ THỊ KIỀU TIẾN	26/06/2001	CCQ1917C		1		6.0	7.0	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2119170530	NGUYỄN THÁI TOÀN	10/01/2001	CCQ1917O		1		6.5	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2119170098	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	20/02/2001	CCQ1917C		1		6.0	6.5	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô (233055) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D4-25**

Mã nhận dạng: 001117

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2 <i>N.T. Phay</i>
--	--	-------------------	---------------------------------------

Số SV có mặt: *42*

Số bài thi: *42*

Số tờ giấy thi: *42*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119170562	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	16/12/2001	CCQ1917P		1	<i>Trọng</i>	5.0	5.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2118170680	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	20/11/1996	CCQ1817I							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2120170523	HOÀNG VÕ LÂM	19/07/2002	CCQ2017O		1	<i>Lâm</i>	5.0	6.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2119170565	HÀ ĐÌNH TÚ	09/05/2001	CCQ1917P		1	<i>Tú</i>	6.5	7.0	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2119170033	LÂM NHỰT TUẤN	30/04/2001	CCQ1917A		1	<i>Nhật</i>	6.5	3.5	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2119170135	PHẠM MINH TUẤN	01/05/2001	CCQ1917D		1	<i>Minh</i>	6.5	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2119170067	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	02/02/2000	CCQ1917B		1	<i>Văn</i>	5.5	4.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2118170075	TRẦN TUẤN VĨ	15/06/1999	CCQ1817A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2119170567	ĐẶNG ĐÌNH VIỆT	17/12/2000	CCQ1917P		1	<i>Việt</i>	6.0	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9